TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/**2021/HS-ST
Ngày: 02-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Văn Thắng**.

2/ Bà **Lê Thị Hoàng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông **Cao Duyệt Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 16/6/2021 đối với:

- *Bị cáo:* **Trương Đình T,** sinh năm 1999; tại Bến Tre; Nơi cư trú: Số B, khu phố X, thị trấn C, huyện , tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Trương Thành T1 và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không. Trong quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn bị truy nã, bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 07/3/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Đặng Thị T2, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Thị Thủy N, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Phi L, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

Đỗ Văn T3, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/07/2017, Trương Đình T, Lê Hồng P và Nguyễn Văn H1 cùng đến cơ sở thạch dừa của bà Đặng Thị T2 tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre xin việc làm và được bà T2 đồng ý rồi bố trí cho T, P, H1 vào ở chung một phòng trọ tại cơ sở. Đêm 22 rạng sáng 23/07/2017, sau khi uống rượu tại phòng trọ xong, trong lúc đi ra ngoài thì P thấy chiếc xe mô tô biển số 71Z1-3252, nhãn hiệu Honda, loại Air Blade của ông Lê Phi L (chồng bà T2) có sẵn chìa khóa trên xe, không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, P rủ T, Hiếu lấy trộm chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài thì cả hai đồng ý nên Phương đến dắt xe cùng với T rồi cùng Nguyễn Văn H1 đưa xe ra khỏi cổng rào cất giấu.

Khi ra ngoài, T nói: "Còn chiếc xe trong nhà nữa" nên cả ba để xe bên ngoài cổng và tiếp tục đến nhà riêng của chị Lê Thị Thủy N và anh Nguyễn Hữu Q (con gái và con rể của bà T2 và ông L) nằm trong khung viên cơ sở thạch dừa. Do nhà không khóa cửa, T đến mở cửa, P và Nguyễn Văn H1 vào nhà lấy chìa khóa xe trên vách tường kế bên nơi để xe và dắt chiếc xe mô tô biển số 71B1-284.50, nhãn hiệu SYM, loại Atila ra ngoài cổng, sau đó cả ba vào phòng dọn đồ bỏ đi, P điều khiển xe mô tô 71Z1-3252, T điều khiển xe mô tô 71B1-284.50 chở Nguyễn Văn H1. Trên đường tẩu thoát, Nguyễn Văn H1 nói P và T quay lại để tiếp tục lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 71C2-098.30 còn lại cho Nguyễn Văn H1 chạy nên cả ba quay lại, T đứng bên ngoài trông coi xe, P và Nguyễn Văn H1 đột nhập vào nhà, Nguyễn Văn H1 đi đến lấy chìa khóa xe mán trên vách tường nhà và dắt xe mô tô 71C2-098.30 ra ngoài.

Sau khi chiếm đoạt được 03 xe mô tô, Nguyễn Văn H1 gọi điện thoại cho Đỗ Văn H3 nói "mới lấy trộm ba xe mô tô của chủ cơ sở thạch dừa ở Bến Tre", muốn bán rẻ cho Đỗ Văn H3 thì Hiếu đồng ý mua xe và kêu đem xe đến xem. Trong lúc xem xe, Đỗ Văn T3 là em ruột của Đỗ Văn H3 làm công nhân tại công ty FreeView khu công nghiệp Tân Hương, tỉnh Tiền Giang về đến, Đỗ Văn H3 kể cho T3 nghe ba xe mô tô do Nguyễn Văn H1, T và P lấy trộm của chủ thạch dừa ở Bến Tre đến bán nên T3 ngăn cản không cho Đỗ Văn H3 mua xe. Nghe lời em, Đỗ Văn H3 không mua xe nên Nguyễn Văn H1 nhờ Thảo tìm người mua xe dùm, thấy tội nghiệp, T3 điện thoại cho Cao Quốc H2 là công nhân làm chung công ty với

T3, T3 bảo có người bán ba xe mô tô không giấy tờ gồm chiếc Exciter, xe Air Blade, xe Atila. H2 đồng ý mua xe môtô Exciter, xe Air Blade với giá 8.000.000 đồng. H2 bảo đưa xe về nhà trọ của T3 ở thuộc ấp Rạch Chanh, xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An để H2 đến xem. Sáng ngày 24/07/2017, T3 dẫn T, P và Nguyễn Văn H1 đưa xe mô tô đến nhà trọ của mình để H2 xem xe. Do có việc, H2 không đến xem được, H2 bảo T3 cho H2 mượn tiền trả dùm tiền mua xe và gửi hai xe lại phòng trọ của T3 khi nào có tiền trả T3 thì H2 mới lấy xe, T3 đồng ý. T3 thay mặt H2 trả tiền cho Nguyễn Văn H1 8.000.000 đồng, do trước đó Nguyễn Văn H1 có mượn của Đỗ Văn H3 1.000.000 đồng nên T3 giữ lại 1.000.000 đồng trả lại cho Đỗ Văn H3. T3 đưa cho Nguyễn Văn H1 7.000.000 đồng. Chiếc xe Atila H2 không mua, Nguyễn Văn H1, P, T gửi lại nhờ T3 trông coi.

Tại bản kết luận định giá số 714/KL-HĐĐG ngày 18/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận: Tổng tài sản bị chiếm đoạt (ba xe mô tô) trị giá 73.850.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trương Đình T bỏ trốn, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra Quyết định truy nã bị can, đến ngày 04/03/2021, Trương Đình T ra đầu thú và bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam cho đến nay.

Cáo trạng số 33/CT-VKSCT ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Trương Đình T *"Tội trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Đình T phạm "Tội trộm cắp tài sản" và áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2021 sửa đổi bổ sung 2017: Xử phạt bị cáo Trương Đình T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại Đặng Thị T2, Lê Thị Thủy N, Nguyễn Hữu Q, Lê Phi L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Đặng Thị T2, Lê Phi L, Lê Thị Thủy N, Nguyễn Hữu Q, người làm chứng Đỗ Văn T3 vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử do đã có lời khai rõ ràng trong

quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên đêm 22 rạng sáng ngày 23/07/2017, bị cáo Trương Đình T cùng với Nguyễn Văn H1, Lê Hồng P đã vào nhà của bà Đặng Thị T2 tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre lén lúc lấy trộm xe mô tô biển số 71Z1-3252, nhãn hiệu Honda, loại Air Blade của ông Lê Phi L, xe mô tô biển số 71B1-284.50, nhãn hiệu SYM, loại Atila và xe mô tô biển số 71C2-098.30 nhãn hiệu Yamaha loại Exciter của Lê Thị Thủy N, Nguyễn Hữu Q.

[3] Hành vi của bị cáo T là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Tại bản kết luận định giá số 714/KL-HĐĐG ngày 18/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận: Tổng tài sản bị chiếm đoạt của ba xe mô tô nêu trên có trị giá là 73.850.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Đình T đã phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo T sau khi nghe Lê Hồng P rủ rê trộm cắp tài sản đã đồng ý và trực tiếp cùng với Phương và Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi trộm cắp ba xe mô tô của các bị hại nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của Lê Hồng P, Đỗ Văn T3 đã được xét xử tại Bản án hình sự số 37/2018/HS-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[5] Bị cáo T biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng và thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[6] Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết năng nặng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[7] Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, là người chưa thành niên nên áp dụng Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 về nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, bản tính xem thường pháp luật của bị cáo cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 33, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[9] Đối với hành vi trộm cắp tài sản Nguyễn Văn H1 cùng Lê Hồng P, Trương Đình T, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, H1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm bị hại không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Đã được xem xét xử lý xong theo Bản án hình sự số 37/2018/HS-ST ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 33; Điều 69, Điều 74 Bộ Luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:*

Tuyên bố bị cáo Trương Đình T phạm *"Tội trộm cắp tài sản*";

Xử phạt bị cáo Trương Đình T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

[2] Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác.

[3] *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Đình T phải chịu án phí là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh (1b)
- UBND TT. Chợ Lách (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền